

CHU KỲ KINH DOANH VÀ CÁC CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH CHU KỲ KINH DOANH

Phạm Hồng Vân
Viện Khoa học Thống kê

1. Khái niệm chu kỳ kinh doanh

a. Chu kỳ kinh doanh hiểu theo nghĩa chung

Khi nghiên cứu chu kỳ kinh doanh, các nhà phân tích xem xét một cách cẩn thận nó có thể chỉ diễn ra ở mức độ nhẹ nhưng cũng có thể là rất khốc liệt; sự phục hồi có thể diễn ra từ từ hoặc cũng có thể là phát triển rất nhanh chóng. *Vậy Chu kỳ kinh doanh là gì? Theo nghĩa chung nhất Chu kỳ kinh doanh được hiểu là sự biến động của các hoạt động kinh tế ngắn hạn trong một thời kỳ nhất định, trong đó các giai đoạn tăng trưởng và các giai đoạn suy giảm luân chuyển lẫn nhau không ngừng.*

b. Chu kỳ kinh doanh theo quan điểm của các nhà kinh tế

Người ta có thể dễ dàng nhận ra một số biểu hiện của chu kỳ kinh doanh, đặc biệt là những biểu hiện mang tính đặc thù, nhưng rất khó có thể định nghĩa được một cách chính xác về chu kỳ kinh doanh. Trong quá trình nghiên cứu những biến đổi rõ rệt của nền kinh tế, ban đầu các nhà nghiên cứu và các sử gia đều tiến hành những quan sát trên nhiều khía cạnh khác nhau: từ thời tiết xấu tới các cuộc chính biến, sự ham mê đầu cơ và những lỗi lo sợ, hoảng loạn. Mục đích của quá trình nghiên cứu này chủ yếu là để giải thích cho sự khủng hoảng, suy sụp của nền kinh tế.

Nhưng đối với các nhà kinh tế, họ quan tâm đến khái niệm chu kỳ kinh doanh bao gồm cả những biến động của bản thân các hoạt động kinh tế và những nguyên nhân

khác gây ra chu kỳ kinh doanh. Ví dụ, theo quan điểm của Cassel thời kỳ Tăng vọt là một thời kỳ tăng đặc biệt về đầu tư vốn cố định; "Thời kỳ Suy giảm hay Suy thoái là thời kỳ mà sự đầu tư về vốn cố định giảm xuống dưới điểm mà nó đã đạt trước đây. Điều này có nghĩa là sự thay đổi giữa giai đoạn tăng vọt và sụt giảm nhanh về cơ bản là sự biến đổi về đầu tư vốn cố định, nhưng nó không liên quan trực tiếp đến những phần đầu tư khác. Các nhà kinh tế tin rằng những thay đổi về chi phí và giá trị của tư liệu sản xuất là yếu tố chính lái sự vận động có tính chu kỳ của nền kinh tế.

Việc tìm ra một khái niệm về chu kỳ kinh doanh là rất khó khăn. Tuy nhiên Mitchell đã tiến hành nghiên cứu theo cách nhận dạng qua kinh nghiệm thực tế những vấn đề chủ yếu xảy ra trong các quá trình mở rộng và thu hẹp sản xuất và đã đưa ra được một định nghĩa như sau:

Chu kỳ kinh doanh là một loại dao động được nhận thấy trong các hoạt động kinh tế tổng hợp của những quốc gia mà tổ chức công việc chủ yếu của họ diễn ra trong các đơn vị sản xuất kinh doanh: một chu kỳ gồm có các quá trình mở rộng sản xuất xuất hiện vào các khoảng thời gian giống nhau ở rất nhiều hoạt động kinh tế, kế theo là các giai đoạn giảm sút, thu hẹp và các giai đoạn phục hồi tương tự mà những giai đoạn này hợp nhất vào giai đoạn mở rộng của chu kỳ tiếp theo; quá trình thay đổi liên tiếp này thường xuyên diễn ra nhưng không mang tính định kỳ; độ dài của các chu kỳ kinh

doanh thường từ hơn 1 năm tới 10 hoặc 20 năm; chúng không thể chia được thành các chu kỳ ngắn hơn mà những chu kỳ này có những đặc tính tương tự với biên độ dao động xấp xỉ của chính chúng .

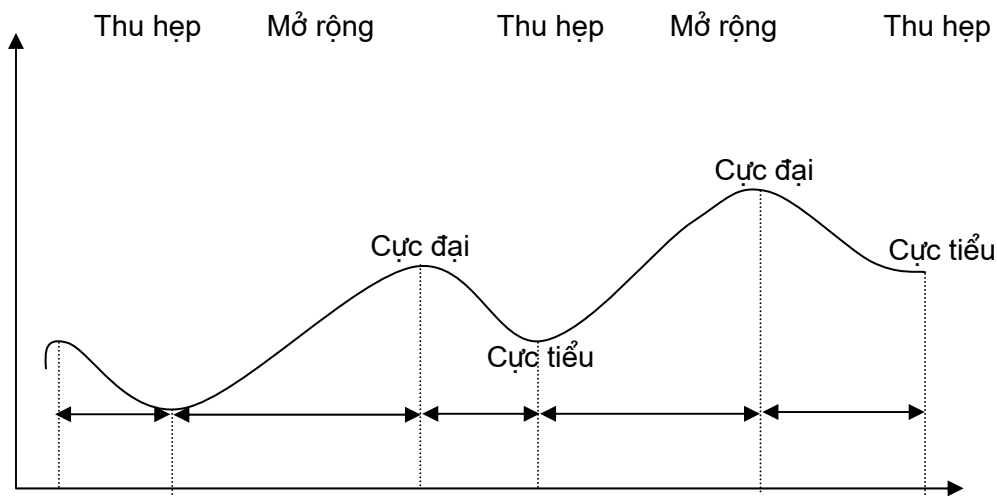
Điểm chính ở đây là sự cùng vận động của nhiều biến kinh tế hoặc các quá trình kinh tế xuất hiện mang tính đồng bộ trong quá trình diễn biến của bất kỳ chu kỳ kinh doanh nào. Rất nhiều loại hoạt động khác nhau có xu hướng phát triển và tác động lẫn nhau. Trạng thái tự nhiên của chu kỳ kinh doanh phụ thuộc và thay đổi theo những đặc điểm chủ yếu của nền kinh tế, xã hội và thể chế chính trị.

Với khái niệm trên chúng ta có thể nhận thấy rằng, một chu kỳ kinh doanh gồm 2 pha; pha thứ nhất - giai đoạn mở rộng (thời

gian từ điểm cực tiểu đến điểm cực đại; pha thứ hai - giai đoạn thu hẹp (thời gian từ điểm cực đại đến điểm cực tiểu),

2. Biểu hiện của chu kỳ kinh doanh

Lịch sử phát triển kinh tế của nhiều nước khác nhau, nhất là của những nước công nghiệp phát triển, đã trải qua nhiều chu kỳ kinh doanh khác nhau. Song thực tế cho thấy, chu kỳ kinh doanh ở nước nào cũng lặp đi lặp lại không theo một độ dài thời gian giống nhau, không theo một biên độ dao động giống nhau về các kết quả hoạt động kinh tế vĩ mô như GDP (theo giá so sánh), thất nghiệp, lạm phát... Do vậy, rất khó dự báo trước được với độ chính xác cao. Sự kế tiếp nhau các chu kỳ kinh doanh có thể được mô tả một cách hình thức theo đồ thị sau đây:



Ở đồ thị trên:

- Đỉnh là điểm cao nhất mà GDP đạt tới trong một chu kỳ.
- Đáy là điểm thấp nhất mà GDP giảm xuống trong một chu kỳ.

- Giai đoạn suy giảm của chu kỳ được xét là khoảng thời gian giữa đỉnh của chu kỳ liền trước với đáy của chu kỳ được xét.
- Giai đoạn tăng trưởng của chu kỳ được xét là khoảng thời gian giữa đáy của chu kỳ được xét với đỉnh của chu kỳ liền sau.

Mặc dù đã đơn giản hoá thực tế đi rất nhiều, song đồ thị mô tả sự kế tiếp nhau các chu kỳ kinh doanh được vẽ ở trên cũng chứa đựng ba điểm đáng lưu ý sau:

- Đỉnh được xét đều cao hơn đỉnh liền trước, đáy được xét đều sâu hơn đáy liền sau.
- Giai đoạn tăng trưởng thường dài hơn giai đoạn suy giảm.
- Các chu kỳ kinh doanh thường khác nhau về độ dài thời gian.

Đặc trưng thứ nhất: các nhân tố chính thúc đẩy kinh tế phát triển trong một thời kỳ dài nhiều thập kỷ thường là tiềm năng sản xuất và tổng mức cung, chứ không phải tổng mức cầu của một năm nào đó. Nguồn gốc làm cho sản lượng tiềm năng tăng lên thường được phân ra làm hai loại: loại thứ nhất là tăng mức đầu vào (vốn, lao động, tài nguyên...); loại thứ hai là tiến bộ của các lĩnh vực khoa học đặc biệt là khoa học công nghệ. Loại nguồn thứ hai có xu hướng vận động đi lên không ngừng, ngày càng giữ vai trò trọng yếu hơn, nhất là trong những thập kỷ gần đây.

Đặc trưng thứ hai: các chủ doanh nghiệp tích lũy học hỏi thêm được nhiều kinh nghiệm, tri thức hơn trong việc đối phó với chu kỳ kinh doanh làm cho biến động kinh tế diễn ra ít sóng gió hơn.

Đặc trưng thứ ba: có thể là do những cú sốc bên ngoài xảy ra bất thường, không lệ thuộc vào nội tình bên trong hệ thống kinh tế của mỗi quốc gia.

Trong thực tế, mỗi giai đoạn của chu kỳ kinh doanh ở nước nào cũng thế, đều có những hiện tượng đặc thù xảy ra trở thành những đặc điểm dễ nhận dạng. Như với giai

đoạn suy giảm, thường có những hiện tượng sau xuất hiện:

- Hàng tồn kho thường được thanh toán vào khởi đầu giai đoạn; ít lâu sau đó, vốn đầu tư kinh doanh vào các nhà máy và các máy móc trang thiết bị cũng giảm mạnh - suy giảm loại vốn này là hiện tượng dễ thấy nhất.

- Cầu về lao động giảm mạnh, đầu tiên là giảm sút về số giờ làm việc bình quân ngày, tuần, tháng..., sau đó là giãn thợ và dẫn đến thất nghiệp cao hơn.

- Giá cả các mặt hàng nhạy cảm thường giảm.

- Lãi kinh doanh giảm mạnh.

- Giá chứng khoán giảm, vì những người đầu tư trên thị trường loại này khá nhạy bén cảm nhận được điểm xấu.

- Yêu cầu tín dụng giảm, kéo theo lãi suất giảm.

Giai đoạn tăng trưởng có hình ảnh ngược lại của giai đoạn suy giảm, cho nên những đặc trưng cho suy giảm xảy ra theo chiều ngược lại ở giai đoạn tăng trưởng.

3. Các chỉ tiêu phân tích chu kỳ kinh doanh

Dưới góc độ thống kê, tất cả các nguyên nhân tạo ra chu kỳ được các nhà thống kê lượng hoá thành các chỉ tiêu phản ánh dao động của chu kỳ.

Căn cứ vào thời gian giao động của các chỉ tiêu, các nhà thống kê phân thành 3 nhóm:

- Chỉ tiêu chỉ đạo;
- Chỉ tiêu trùng hợp và
- Chỉ tiêu trễ.

Chỉ tiêu chỉ đạo: giờ làm việc bình quân trong tuần; đơn đặt hàng mới về hàng hoá tiêu dùng và vật tư cho sản xuất; chỉ số giá nguyên vật liệu; tồn kho thành phẩm; giá cổ phiếu, trái phiếu kho bạc; chỉ số kỳ vọng của người tiêu dùng; tỷ lệ lợi tức và lượng cung tiền. Các chỉ tiêu này xảy ra trước và vì vậy cung cấp trước thông tin, tín hiệu báo sớm xác định chiều hướng vận động tăng giảm của chu kỳ kinh tế. Vì lý do này, các chỉ tiêu chỉ đạo được quan tâm nhiều hơn và coi đây là những chỉ tiêu quan trọng trong quá trình nghiên cứu chu kỳ kinh tế. Tuy nhiên, tầm quan trọng của các chỉ tiêu này sẽ được làm nổi bật và rõ nét hơn khi chúng được sử dụng trong một khung tham chiếu của một hệ thống các chỉ tiêu mang tính chu kỳ.

Các chỉ tiêu trùng hợp như là lao động, sản lượng; thu nhập; chi phí sản xuất; tiêu thụ; hệ số sử dụng công suất; vốn đầu tư và chỉ số giá tiêu dùng dịch vụ,... là các chỉ tiêu thống kê qua đó có thể phân tích đánh giá toàn bộ quá trình hoạt động kinh tế tổng hợp. Các chỉ tiêu này có xu hướng xảy ra đồng thời với chu kỳ kinh doanh còn gọi là chỉ tiêu báo ngay, vì vậy chúng đặc trưng cho chu kỳ kinh doanh.

Các chỉ tiêu trễ tương phản với chỉ tiêu chỉ đạo, thường xảy ra sau các chỉ tiêu trùng hợp. Vì vậy, các chỉ tiêu trễ kém phần quan trọng, đồng thời chúng ít có giá trị thực tế hơn so với các chỉ tiêu chỉ đạo, chỉ tiêu trùng hợp và thường hay bị bỏ qua. Các chỉ tiêu trễ như tỷ lệ hàng hoá bán ra, chi

phí cho một đơn vị lao động, bình quân lãi suất ưu đãi được các ngân hàng thanh toán và các khoản tiền nợ trôi nổi trên thị trường. Những chỉ tiêu về chi phí tiêu dùng cho cá nhân và xã hội cũng được thể hiện trong các chỉ tiêu trễ.

Tóm lại, các chỉ tiêu phản ánh dao động của chu kỳ kinh doanh là những công cụ hữu hiệu để phân tích các tần suất luân phiên của các quá trình mở rộng hoặc thu hẹp của chu kỳ kinh tế. Biên độ dao động kinh tế được định nghĩa bằng các "chu kỳ kinh tế". Trong một chu kỳ kinh tế xuất hiện các giai đoạn tăng vào các khoảng thời gian tương tự ở nhiều hoạt động kinh tế, tiếp đó là những giai đoạn suy thoái, sự co giãn và phục hồi kinh tế để hợp thành những giai đoạn phát triển của những chu kỳ tiếp theo và bắt đầu từ đây các nhà nghiên cứu đã khởi xướng ra cách tiếp cận bằng 3 loại chỉ số tổng hợp (chỉ số tổng hợp của các chỉ tiêu chỉ đạo, chỉ số tổng hợp của các chỉ tiêu trùng hợp và chỉ số tổng hợp của các chỉ tiêu trễ) để phân tích và dự báo kinh tế ■

Tài liệu tham khảo:

1. Geoffrey Moore, Editor: Business Cycle Indicators - Volume I, a Study by the National Bureau of Economic Research, Published by Princeton University Press, Princeton 1961.
2. Business Cycle Indicators Handbook - Conference Board 2000, 12
3. N. Gregory Mankiw, Harvard University: Macro - economics - Third Edition - Worth Publishers.